| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NINH GIANG**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2020
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Bùi Quý Long.
***Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Ông Phạm Huy Điệu;
2. Bà Phạm Thị Tuẫn.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dươngtham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Quang Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/ QĐST- DS ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Anh Trần Trung N, sinh năm 1983; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

*2 Bị đơn*: Chị Đào Thị Nh, sinh năm 1986; Có mặt.

Đều ở địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – anh N trình bày*: Anh và chị Đào Thị Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã N, huyện Ninh Giang tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh nhận thấy không có tình cảm với chị Nh. Do mâu thuẫn trầm trọng nênvợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không có biện pháp cải thiện được nữa nên anh khởi kiện xin ly hôn chị Đào Thị Nh.

*Về quan hệ con chung*: Anh và chị Nh có hai con chung là Trần Trí D, sinh ngày 13/11/2011 và Trần Quốc B, sinh ngày 02/4/2015. Sau khi ly hôn, anh đề

nghị giao con chung là Trần Trí D cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Trần Quốc B cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

*Về quan hệ tài sản chung*: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – chị Đào Thị Nh trình bày*: Về điều kiện kết hôn, chung sống như anh N trình bày. Chị xác đinh vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị có nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N không nghe. Do anh N chơi bời không bỏ nên vợ chồng đã sống ly thân với mục đích để anh N suy nghĩa về hành động của mình, thay đổi bản thân. Thời gian gần đây, anh N không quan tâm đến chị không biết vì lý do gì. Chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng có trầm trọng nhưng có thể cải thiện được nên chị không đồng ý ly hôn.

*Về quan hệ con chung*: Chị và anh N có hai con chung là Trần Trí D, sinh ngày 13/11/2011 và Trần Quốc B, sinh ngày 02/4/2015. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao con chung là Trần Chí Dũng cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Trần Quốc B cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cáp dưỡng cho con. Tại phiên tòa chị Nh đề nghị được nuôi cả hai con chung là Trần Trí D và Trần Quốc B cho chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

*Về quan hệ tài sản chung*: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chính quyền địa phương xã N cung cấp*: Anh N, chị Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N, chị Nh ly hôn. Anh N, chị Nh có hai con chung Trần Trí D, sinh ngày 13/11/2011 và Trần Quốc B, sinh ngày 02/4/2015. Anh chị đều là cán bộ, công chức có thu nhập ngang nhau đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên Tòa: Chị Nh không đồng ý ly hôn, chị đề nghị giao con chung là Trần Trí Dũng và Trần Chí Bảo cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trung N đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử cho anh Trần Trung N ly hôn chị Đào Nhị Nhớ; giao con chung là Trần Chí Dũng cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Trần Chí Bảo cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cáp dưỡng cho con; anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa nguyên đơn- anh Trần Trung N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn- anh Trần Trung N.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Trung N và chị Đào Thị Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N, huyện Ninh Giang nơi sinh sống của anh N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa anh N và chị Nh là hợp pháp.

[3]. Anh N khởi kiện xin ly hôn, chị Nh xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị và anh N sống ly thân từ năm 2918 đến nay, không ai quan tâm đến ai nhưng không đồng ý ly hôn. Mặt khác, biên bản xác minh ngày 03/7/2020 đều xác định do vợ chồng mâu thuẫn, anh N chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Đến năm 2016 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ cuối năm 2016 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh N ly hôn chị Nh.

[4]. *Về quan hệ con chung*: Anh N và chị Nh có hai con chung là Trần Trí D, sinh ngày 13/11/2011 và Trần Quốc B, sinh ngày 02/4/2015. Trong quá trình giải quyết Anh N, chị Nh đều thống nhất thỏa thuận giao con chung là Trần Chí Dũng cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Trần Chí Bảo cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con; Tại phiên tòa chị Nh đề nghị giao cả hai con chung là Trần Trí D và Trần Quốc B cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào quy định của pháp luật, nguyện vọng của các con chung, điều kiện của nguyên đơn và bị đơn đều là cán bộ có thu nhập ngang nhau *(Biên bản xác minh ngày 03/7/2020 tại UBND xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang)*, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con nên HĐXX cần giao con chung là Trần Chí Dũng cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Trần Quốc B cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con

[5]. *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Anh Trần Trung N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Trung N. Xử cho anh Trần Trung N ly hôn chị Đào Thị Nh.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao cho anh Trần Trung N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Trí D, sinh ngày 13/11/2011 cho đến khi

con đủ 18 tuổi, giao cho chị Đào Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Quốc B, sinh ngày 02/4/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Trần Trung N và chị Đào Thị Nh có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Anh Trần Trung N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0009230, ngày 01tháng 6 năm 2020. Anh Trần Trung N đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 21/8/2020.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã N, huyện Ninh Giang;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Bùi Quý Long**